**Quá trình phát triển của hệ thống kiểm toán độc lập tại Việt Nam**

Trần Thị Thương, Nguyễn Thị Thủy, Hoàng Thị Mai Anh

Nhóm NCM Hợp tác, liên kết trong sản xuất kinh doanh nông nghiệp

**1. Đặt vấn đề**

Trước năm 1986, Việt Nam xây dựng nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung theo mô hình kinh tế của Liên Xô (Huỳnh Tấn Dũng & cs, 2012). Trong nền kinh tế này, mọi hoạt động kinh tế đều bị kiểm soát bởi Nhà nước; chỉ tồn tại hình thức sở hữu Nhà nước và sở hữu tập thể. Do đó, thị trường không tồn tại trong nền kinh tế trên và dẫn đến việc không tồn tại hệ thống kiểm toán độc lập tại Việt Nam trong giai đoạn này. Năm 1986 đánh dấu một mốc son cho nền kinh tế Việt Nam với sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập với kinh tế khu vực và kinh tế thế giới. Đây được gọi là quá trình “Đổi mới”. Sau năm 1986, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng nhanh chóng với sự gia tăng đầu tư nước ngoài và sự phát triển nhanh chóng của khu vực kinh tế tư nhân (Huỳnh Tấn Dũng & cs, 2012). Qua 30 năm “Đổi mới”, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, đặc biệt, trong giai đoạn 1986-2022, tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam đã tăng từ 26,337 tỷ USD lên hơn 400 tỷ USD.

Trong điều kiện phát triển của nền kinh tế thị trường, doanh nghiệp cần cung cấp thông tin kế toán chính xác, kịp thời để cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng là nhà đầu tư, ngân hàng, chủ nợ... Để đáp ứng yêu cầu này, sự tồn tại của bên thứ ba độc lập với doanh nghiệp – được gọi là tổ chức kiểm toán độc lập là điều rất cần thiết và là điều tất yếu khách quan của cơ chế thị trường. Bên thứ ba có trình độ chuyên môn cao về kế toán và kiểm toán, và được pháp luật cho phép cung cấp thông tin tài chính đáng tin cậy cho các bên quan tâm. Thực tế chỉ ra rằng, tại nhiều quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển, báo cáo tài chính có giá trị pháp lý và đáng tin cậy chỉ sau khi chúng được kiểm toán (NEU, 2017). Công ty kiểm toán độc lập đầu tiên trên thế giới là Price Waterhouse Cooper (PWC) được thành lập trụ sở chính tại Vương quốc Anh vào năm 1854. Sau đó, các doanh nghiệp kiểm toán độc lập nổi tiếng khác được thành lập là Deloitte, Ernst & Young, KPMG và PWC. Đến nay, các doanh nghiệp này đã trở thành 4 công ty kiểm toán độc lập lớn nhất thế giới. Nằm trong xu thế đó nên việc hình thành và phát triển các tổ chức kiểm toán độc lập trong nền kinh tế của Việt Nam sau đổi mới là điều tất yếu và phù hợp với xu hướng phát triển của thế giới. Để làm rõ quá trình phát triển của kiểm toán độc lập tại Việt Nam, bài viết tiến hành phân tích qua hai giai đoạn với dấu mốc là năm 2011 – Gắn với sự ra đời của Luật kiểm toán độc lập tại Việt Nam.

**2. Sự phát triển của hệ thống kiểm toán độc lập tại Việt Nam trước năm 2011**

Theo nhóm tác giả Nguyễn Thị Hương Liên & Nguyễn Thị Huyền Trang (2016), các doanh nghiệp kiểm toán độc lập của Việt Nam được thành lập và phát triển trước năm 1975 như các văn phòng hoạt động độc lập với các công chứng viên kế toán hoặc kiểm toán viên và cả các văn phòng kiểm soát quốc tế (SGV và Arthur Andersen...). Tuy nhiên, trong thời kỳ kinh tế kế hoạch hóa tập trung (1975-1986), kiểm toán độc lập hoàn toàn biến mất. Nguyên nhân là do Nhà nước đóng vai trò nhà quản lý vĩ mô và là chủ sở hữu của tất cả tài sản trong nền kinh tế nên Nhà nước sẽ tự tổ chức thực hành kế toán, kiểm toán. Doanh nghiệp kiểm toán độc lập được khôi phục sau khi Việt Nam chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường. Hơn nữa, đầu những năm 1990, nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) bắt đầu vào Việt Nam đã kéo theo yêu cầu tất yếu về sự ra đời của kiểm toán độc lập.

Điểm quan trọng đầu tiên trong giai đoạn này là sự ra đời của hai doanh nghiệp kiểm toán (Công ty Kiểm toán Việt Nam - VACO và Công ty dịch vụ Kế toán Việt Nam - ASC) đã đánh dấu sự hình thành của ngành kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Theo giấy phép số 957/PPLT ngày 13/5/1991 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính đã ký hai Quyết định số 165-TC/QĐ/TCCB và 164-TC/QĐ/TCCB lần lượt thành lập VACO và ASC (Bộ Tài chính, 1991a; Bộ Tài chính, 1991b). Sau đó, VACO đã ký thỏa thuận hợp tác đầu tiên với Deloitte Touche Tohmatsu Limited vào năm 1992 và Liên doanh Kiểm toán VACO - Deloitte Touche Tohmatsu được thành lập vào tháng 5 năm 1995. Sau đó, VACO chính thức trở thành thành viên và đại diện hợp pháp của Deloitte tại Việt Nam vào năm 1997. Tuy nhiên, theo cam kết của Việt Nam với WTO trong lĩnh vực kiểm toán, các công ty kiểm toán nhà nước phải chuyển đổi sở hữu thành sở hữu ngoài nhà nước. Vì vậy, VACO được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và hoạt động với tên gọi Deloitte Việt Nam vào tháng 5 năm 2007. Ngoài ra, Công ty dịch vụ Kế toán Việt Nam (ASC) cũng được đổi tên thành Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính, Kế toán và Kiểm toán (AASC) theo Quyết định số 639 -TC/QĐ/TCCB ngày 14/09/1993 (Bộ Tài chính, 1993).

|  |
| --- |
| Cơ quan ban hành  **Quốc hội**  Ngày giải phóng/ Thống nhất đất nước  **2013**  **2012**  **2015**  **2005**  **1999**  **1991**  **1986**  *Thời gian*  **2011**  **1975**  **Ban hành hệ thống VSA lần 2**  **Ban hành hệ thống VSA lần đầu tiên**  Thành lập hai doanh nghiệp kiểm toán độc lập đầu tiên  (VACO, ASC)  ***Kiểm toán độc lập không tồn tại***  ***Thời gian hiệu lực của hệ thống VSA lần 2***  ***Thời gian hiệu lực của hệ thống VSA đầu tiên***  Cơ quan ban hành  **Bộ Tài chính**  ***Sau “Đổi mới”***  ***Trước***  ***“Đổi mới”*** |

(Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp, 2017)

**Hình 1. Quá trình phát triển của hệ thống kiểm toán độc lập tại Việt Nam**

Điểm đáng chú ý thứ hai là sự xuất hiện lần đầu tiên của chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài (Công ty Ernst & Young) tại Việt Nam vào năm 1991. Và sau đó, hai chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài là KPMG và PWC cũng xuất hiện tại Việt Nam vào năm 1994. Các chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài này đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Cụ thể, các doanh nghiệp này đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) để giới thiệu và triển khai các Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA), Chuẩn mực kế toán quốc tế (IAS) và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) vào Việt Nam. Qua đó đã góp phần đưa Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) và Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) tiệm cận với chuẩn mực quốc tế.

Điểm đáng chú ý tiếp theo là sự ra đời của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam được thiết lập dựa trên hệ thống Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA) và đặc điểm của nền kinh tế Việt Nam. Tại Việt Nam, Bộ Tài chính chịu trách nhiệm soạn thảo và ban hành chuẩn mực kiểm toán, trong khi đó, Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) chịu trách nhiệm phổ biến, triển khai và hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 06/12/2012) dựa trên việc ban hành chương trình kiểm toán mẫu (Bộ Tài chính, 2012). Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA) được thành lập ngày 15/4/2005, đây là một bộ phận của Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA).

Quá trình ban hành Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam chính thức bắt đầu từ tháng 9/1997, và sau hai năm, bốn Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam đầu tiên đã được ban hành. Trong giai đoạn này, hoạt động kiểm toán độc lập dựa trên hệ thống 37 Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) được ban hành bởi 7 quyết định của Bộ Tài chính từ năm 1999 đến năm 2005 và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán dựa trên Quyết định số 87/2005/QĐ-BTC ngày 01/12/2005 (Bộ Tài chính, 2005c). Hệ thống này được thiết lập dựa trên các Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA) được ban hành từ năm 2000 đến năm 2004. Thời gian hiệu lực của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) ban hành lần đầu tiên này là từ năm 1999-2013. Tuy nhiên, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) số 920 vẫn có hiệu lực đến ngày 30/06/2015 và bốn Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA 910, VSA 930, VSA 1000 và Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán) vẫn có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2015. Hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) đã được các doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập áp dụng.

**3. Sự phát triển của hệ thống kiểm toán độc lập tại Việt Nam sau năm 2011**

Điểm nhấn quan trọng nhất trong giai đoạn này là sự ra đời của Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011 do Quốc hội ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/2012. Luật Kiểm toán này đã tạo khung pháp lý cao nhất cho hoạt động kiểm toán độc lập và đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển ngành kiểm toán độc lập tại Việt Nam (Lại Phương Thảo, 2017). Cụ thể, thứ nhất, luật này đã góp phần nâng cao hiệu lực pháp lý, hiệu quả quản lý nhà nước đối với dịch vụ kiểm toán độc lập và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Thứ hai, luật này cũng nâng cao quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề và các thành viên có liên quan khác như doanh nghiệp được kiểm toán. Thứ ba, luật này quy định việc kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính năm, báo cáo quyết toán và các thông tin tài chính khác nhằm góp phần công khai, minh bạch, phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp. Vì vậy, Luật Kiểm toán 2011 đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận dịch vụ kiểm toán, đặc biệt mang lại lợi ích cho nhà đầu tư, Nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan. Ngoài ra, ngày 13/03/2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 17/2012/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết nội dung của Luật Kiểm toán độc lập. Nghị định này quy định danh mục doanh nghiệp, tổ chức phải được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán độc lập hoặc chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam. Có 4 nhóm doanh nghiệp và tổ chức phải tiến hành kiểm toán độc lập gồm: (1) Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, (2) Doanh nghiệp đại chúng, và tổ chức phát hành chứng khoán, (3) Tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo luật tổ chức tín dụng, bao gồm cả chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và (4) Tổ chức tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

Điểm đáng chú ý tiếp theo là sự xuất hiện của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) mới được ban hành lần thứ hai trong các Thông tư ban hành từ năm 2012 đến 2015. Đặc biệt là sự xuất hiện của 37 chuẩn mực kiểm toán mới dựa trên Thông tư số 214/2012/TT-BTC (ngày 06/12/2012) của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 1/1/2014 để đánh dấu sự kiện này. Ngoài ra, ngày 08/05/2015, BTC tiếp tục ban hành 06 chuẩn mực kiểm toán mới phù hợp với 04 thông tư là Thông tư số 67/2015/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/07/2015), Thông tư số 65/2015/TT-BTC (có hiệu lực từ 01/01/2016), Thông tư số 68/2015/TT-BTC (có hiệu lực từ 01/01/2016) và Thông tư số 70/2015/TT-BTC (có hiệu lực từ 01/01/2016) (Bộ Tài chính, 2015a; Bộ Tài chính, 2015b; Bộ Tài chính, 2015c; Bộ Tài chính, 2015d). Sáu chuẩn mực mới thay thế cho 5 chuẩn mực kiểm toán giai đoạn đầu có hiệu lực đến 30/6/2015 hoặc 31/12/2015. Như vậy, giai đoạn này hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) ban đầu gồm 42 chuẩn mực, tuy nhiên đến nay hệ thống này chỉ gồm 43 chuẩn mực kiểm toán còn hiệu lực.

**Bảng 1. Danh sách các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam có hiệu lực từ ngày 1/1/2014**

| **STT** | **Số chuẩn mực** | **Tên chuẩn mực** | |
| --- | --- | --- | --- |
| **I. Chuẩn mực mới ban hành** | | | |
| **Thông tư số 214/2012/TT-BTC (ngày 06/12/2012) có hiệu lực ngày 01/01/2014** | | | |
| 1 | VSQC 1 | Kiểm soát chất lượng doanh nghiệp thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, dịch vụ đảm bảo và các dịch vụ liên quan khác | |
| 2 | VSA 200 | Mục tiêu tổng thể của kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khi thực hiện kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam | |
| 3 | VSA 210 | Hợp đồng kiểm toán | |
| 4 | VSA 220 | Kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính | |
| 5 | VSA 230 | Tài liệu, hồ sơ kiểm toán | |
| 6 | VSA 240 | Trách nhiệm của kiểm toán viên liên quan đến gian lận trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính | |
| 7 | VSA 250 | Xem xét tính tuân thủ pháp luật và các quy định trong kiểm toán báo cáo tài chính | |
| 8 | VSA 260 | Trao đổi các vấn đề với Ban quản trị đơn vị được kiểm toán | |
| 9 | VSA 265 | Trao đổi về những khiếm khuyết trong kiểm soát nội bộ với Ban quản trị và Ban Giám đốc đơn vị được kiểm toán | |
| 10 | VSA 300 | Lập kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính | |
| 11 | VSA 315 | Xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu thông qua hiểu biết về đơn vị được kiểm toán và môi trường của đơn vị | |
| 12 | VSA 320 | Mức trọng yếu trong lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán | |
| 13 | VSA 330 | Biện pháp xử lý của kiểm toán viên đối với rủi ro đã đánh giá | |
| 14 | VSA 402 | Các yếu tố cần xem xét khi kiểm toán đơn vị có sử dụng dịch vụ bên ngoài | |
| 15 | VSA 450 | Đánh giá các sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán | |
| 16 | VSA 500 | Bằng chứng kiểm toán | |
| 17 | VSA 501 | Bằng chứng kiểm toán đối với các khoản mục và sự kiện đặc biệt | |
| 18 | VSA 505 | Thông tin xác nhận từ bên ngoài | |
| 19 | VSA 510 | Kiểm toán năm đầu tiên – Số dư đầu kỳ | |
| 20 | VSA 520 | Thủ tục phân tích | |
| 21 | VSA 530 | Lấy mẫu kiểm toán | |
| 22 | VSA 540 | Kiểm toán các ước tính kế toán (bao gồm ước tính kế toán về giá trị hợp lý và các thuyết minh liên quan) | |
| 23 | VSA 550 | Các bên liên quan | |
| 24 | VSA 560 | Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán | |
| 25 | VSA 570 | Hoạt động liên tục | |
| 26 | VSA 580 | Giải trình bằng văn bản | |
| 27 | VSA 600 | Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính tập đoàn (kể cả công việc của kiểm toán viên đơn vị thành viên) | |
| 28 | VSA 610 | Sử dụng công việc của kiểm toán viên nội bộ | |
| 29 | VSA 620 | Sử dụng công việc của chuyên gia | |
| 30 | VSA 700 | Hình thành ý kiến kiểm toán và báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính | |
| 31 | VSA 705 | Ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần | |
| 32 | VSA 706 | Đoạn “Vấn đề cần nhấn mạnh” và “Vấn đề khác” trong báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính | |
| 33 | VSA 710 | Thông tin so sánh - Dữ liệu tương ứng và báo cáo tài chính so sánh | |
| 34 | VSA 720 | Các thông tin khác trong tài liệu có báo cáo tài chính đã được kiểm toán | |
| 35 | VSA 800 | Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính được lập theo khuôn khổ về lập và trình bày báo cáo tài chính cho mục đích đặc biệt | |
| 36 | VSA 805 | Lưu ý khi kiểm toán báo cáo tài chính riêng lẻ và khi kiểm toán các yếu tố, tài khoản hoặc khoản mục cụ thể của báo cáo tài chính | |
| 37 | VSA 810 | Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt | |
| **Thông tư số 65/2015/TT-BTC (ngày 08/05/2015) có hiệu lực từ ngày 01/01/2016** | | | |
| 38 | VSA 2400 | Dịch vụ soát xét báo cáo tài chính quá khứ | |
| 39 | VSA 2410 | Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện | |
| **Thông tư số 67/2015/TT-BTC (ngày 08/05/2015) có hiệu lực từ ngày 01/07/2015** | | | |
| 40 | VSA 1000 | **kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành -** Chuẩn mực này hoàn toàn chỉ có ở Việt Nam, không có trong hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISAs) | |
| **Thông tư số 68/2015/TT-BTC (ngày 8/5/2015) có hiệu lực từ ngày 1/1/2016** | | | |
| 41 | VSA 4400 | Hợp đồng thực hiện các thủ tục thỏa thuận trước đối với thông tin tài chính | |
| 42 | VSA 4410 | Dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính | |
| **Thông tư số 70/2015/TT-BTC (ngày 8/5/2015) có hiệu lực từ ngày 1/1/2016** | | | |
| 43 |  | Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán | |
| **II. Bốn chuẩn mực ban hành lần đầu và còn hiệu lực** | | | |
| 44 | VSA 910 | Công tác soát xét báo cáo tài chính | Hiệu lực đến ngày 31/12/2015 |
| 45 | VSA 920 | Kiểm tra thông tin tài chính trên cơ sở các thủ tục thoả thuận trước | Hiệu lực đến ngày 30/6/2015 |
| 46 | VSA 930 | Dịch vụ tổng hợp thông tin tài chính | Hiệu lực đến ngày 31/12/2015 |
| 47 | VSA 1000 | Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành | Hiệu lực đến ngày 31/12/2015 |
| 48 |  | Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán | Hiệu lực đến ngày 31/12/2015 |

­­(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp, 2017)

Như vậy, sau hơn 20 năm hình thành và phát triển, số lượng các công ty kiểm toán độc lập tại Việt Nam đã tăng lên nhanh chóng, tuy nhiên, các công ty này chủ yếu là các công ty kiểm toán vừa và nhỏ (Nguyễn Thị Hương Liên & Nguyễn Thị Huyền Trang, 2016). Theo Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA), tính đến ngày 01/12/2021, Việt Nam có 210 doanh nghiệp kiểm toán trên cả nước bao gồm: 03 công ty 100% vốn nước ngoài; 08 công ty có vốn đầu tư nước ngoài; 199 công ty 100% vốn trong nước. Trong 210 doanh nghiệp kiểm toán có 23 doanh nghiệp kiểm toán là thành viên các hãng kiểm toán quốc tế, 13 doanh nghiệp kiểm toán là thành viên hiệp hội và 01 doanh nghiệp kiểm toán là hãng đại diện liên lạc.

**4. Kết luận**

Bài viết này tóm tắt lịch sử hình thành và phát triển của kiểm toán độc lập ở Việt Nam từ năm 1975 đến nay. Riêng quá trình phát triển của kiểm toán độc lập Việt Nam được chia thành hai giai đoạn là trước năm 2011 và sau năm 2011 căn cứ vào thời điểm ra đời của luật kiểm toán độc lập Việt Nam. Qua quá trình này có thể thấy hệ thống kiểm toán độc lập của Việt Nam đã phát triển vượt bậc và dường như đã tích hợp, hài hòa với hệ thống Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA). Tuy nhiên, trong quá trình hội nhập với nền kinh tế thế giới, các yêu cầu về tuân thủ, minh bạch thông tin tài chính và quản trị doanh nghiệp ngày càng cao, điều này sẽ tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) và các công ty kiểm toán độc lập của Việt Nam. Do đó, bài viết này đưa ra một số hàm ý nhằm cải thiện hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA) và các công ty kiểm toán.

Thứ nhất, Bộ Tài chính cần tiếp tục cập nhật phiên bản mới của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA) và đảm bảo tính tuân thủ của Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA).

Thứ hai, Bộ Tài chính cần tăng cường kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ của các doanh nghiệp kiểm toán độc lập. Ngoài ra, Bộ Tài chính có thể chuyển giao chức năng kiểm soát này cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA). Đặc biệt, Bộ Tài chính cần đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức nghề nghiệp về kiểm toán để hỗ trợ phát triển thị trường dịch vụ kiểm toán độc lập.

Thứ ba, các công ty kiểm toán độc lập cần nâng cao chất lượng, trình độ của kiểm toán viên. Bởi chất lượng kiểm toán viên chính là nguồn nhân lực đóng vai trò quan trọng nhất trong việc tạo nên thương hiệu và sự phát triển bền vững của doanh nghiệp kiểm toán trong tương lai. Vì vậy, việc tuyển chọn và đào tạo đội ngũ kiểm toán viên là vô cùng cần thiết. Ngoài ra, các công ty kiểm toán độc lập Việt Nam cần phối hợp với các công ty kiểm toán quốc tế lớn như Deloitte, Ernst & Young, KPMG, PWC và các tổ chức nghề nghiệp khác để có chương trình đào tạo phù hợp, phù hợp với việc cập nhật hệ thống Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA).

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

Huynh Tan Dung, Doan Van Dinh and Gong Guang Ming (2012). Vietnamese Accounting System Reform - Review and Prospect. Australian Journal of Basic and Applied Sciences, Vol. 6(9), pp. 629-651.

Lai Phương Thảo (2017). Môi trường pháp lý về dịch vụ kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Tạp chí Kế toán & Kiểm toán. Truy cập tại https://www.hoiketoanhcm.org.vn/vn/trao-doi/moi-truong-phap-ly-ve-dich-vu-kiem-toan-doc-lap-o-viet-nam/. Ngày truy cập 28/3/2023.

Bộ Tài chính (1991a). Quyết định số 164-TC/QD/TCCB ngày 13/5/1991 Hướng dẫn thành lập Công ty dịch vụ kế toán (ASC).

Bộ Tài chính (1991b). Quyết định số 165-TC/QD/TCCB ngày 13/5/1991 Hướng dẫn thành lập Công ty Kiểm toán Việt Nam (VACO).

Bộ Tài chính (1993). Quyết định số 639-TC/QD/TCCB ngày 14/9/1993 về việc bổ sung nhiệm vụ kiểm toán và đổi tên Công ty dịch vụ kế toán.

Bộ Tài chính (2005c). Quyết định số 87/2005/QD-BTC ngày 1/12/2005 Ban hành và công bố chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

Bộ Tài chính (2012). Thông tư số 214/2012/TT-BTC ngày 6/12/2012 Ban hành hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam áp dụng đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam, kiểm toán viên hành nghề và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình cung cấp dịch vụ kiểm toán độc lập.

Bộ Tài chính (2015a). Thông tư số 70/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015 Ban hành chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

Bộ Tài chính (2015b). Thông tư số 67/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015 Ban hành Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, có hiệu lực từ ngày 01/7/2015

Bộ Tài chính (2015c). Thông tư số 65/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015 Ban hành các Chuẩn mực Việt nam về hợp đồng dịch vụ soát xét, có hiệu lực từ ngày 1/1/2016.

Bộ Tài chính (2015d). Thông tư số 68/2015/TT-BTC ngày 8/5/2015 Ban hành các Chuẩn mực Việt Nam về dịch vụ liên quan, có hiệu lực từ ngày 1/1/2016.

NEU (Đại học Kinh tế quốc dân), (2017). Sự ra đời loại hình kiểm toán độc lập ở Việt Nam. Truy cập tại https://voer.edu.vn/m/su-ra-doi-loai-hinh-kiem-toan-doc-lap-o-viet-nam/1337f484 Ngày truy cập 28/3/2023.

Nguyễn Thị Hương Liên & Nguyễn Thị Huyền Trang (2016). Ảnh hưởng của giá phí kiểm toán đến chất lượng dịch vụ kiểm toán độc lập tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN: Kinh tế và Kinh doanh, Tập 32, Số 4 (2016) 29-36.